TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69A/2021/HNGĐ-ST
Ngày 10/6/2021
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Bình.
Bà Lê Thị Minh Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 10/6/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2020 về việc "ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXX-ST ngày 29/4/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 47/2021/QĐ-ST ngày 10/5/2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1990.

Địa chỉ: số nhà 11, đường C, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Xin vắng mặt).

***Bị đơn:** Chị Bui Thi Thanh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: phố K, 42655 S, bang Nordrhein- Westfalen, Công hoà Liên bang Đức. (Xin vắng mặt).

* Người đại diện theo ủy quyền của chị Bui Thi Thanh T nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Bà Mai Thị Phương L, sinh năm 1984 và bà Đào Minh P, sinh năm

1993. Đều ở địa chỉ: Phòng 403, tầng 4, Tòa nhà O, số 1 Đ, quận Đ, thành phố Hà Nội. (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Hồng Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bui Thi Thanh T có làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 18/11/2015 tại UBND tỉnh Bắc Giang, Việt Nam trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị T ở nhà khoảng một tháng sau đó quay về nước Cộng hoà Liên bang Đức sinh sống và làm việc. Khi chị Bui Thi Thanh T về nước thì anh chị vẫn thường xuyên liên lạc quan tâm nhau nhưng đến đầu năm 2016 thì giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh chị thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân do vợ chồng sống xa cách lâu ngày tình cảm phai nhạt không tin tưởng nhau, một phần do thủ tục sang Cộng hoà Liên bang Đức đoàn tụ với chị Bui Thi Thanh T gặp trục trặc. Kể từ tháng 4/2016 anh, chị không còn liên lạc và quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm không còn, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bui Thi Thanh T.

- Về con chung: Anh và chị Bui Thi Thanh T không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: anh và chị Bui Thi Thanh T không có tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Do điều kiện đi làm việc ở xa nên không thể về tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Bui Thi Thanh T được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Bui Thi Thanh T.

* Bị đơn là chị Bui Thi Thanh T có địa chỉ tại Cộng hoà Liên bang Đức. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ban hành văn bản ủy thác tư pháp số 32/UTTPDS-TA5 ngày 10/8/2020 gửi Bộ Tư pháp về việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và lấy lời khai của đương sự theo quy định của pháp luật nhưng đến nay chưa nhận được kết quả ủy thác tư pháp.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là chị Bui Thi Thanh T đã gửi văn bản thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng Q, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bui Thi Thanh T đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Hồng Q.

- Về con chung: Chị Bui Thi Thanh T và anh Nguyễn Hồng Q không có con chung do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Bui Thi Thanh T và anh Nguyễn Hồng Q không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngoài ra chị xin vắng mặt trong quá trình Tòa án thông báo, triệu tập đến giải quyết vụ án. Chị uỷ quyền cho bà Mai Thị Phương L, sinh năm 1984 và bà Đào Minh P, sinh năm 1993 (Đều ở địa chỉ: Phòng 403, tầng 4, Tòa nhà O, số 1 Đ, quận Đ, thành phố Hà Nội) đại diện giao, nhận các tài liệu, văn bản tố tụng với Toà án và trình bày quan điểm thay cho chị về việc anh Nguyễn Hồng Q xin ly hôn.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Hồng Q vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Bui Thi Thanh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) công bố đơn khởi kiện; bản tự khai của anh Nguyễn Hồng Q; quan điểm của chị Bui Thi Thanh T; tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán, Thư ký, HĐXX chấp hành đúng quy định của pháp luật; về phía các đương sự thì anh Nguyễn Hồng Q, chị Bui Thi Thanh T chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX giải quyết cho anh Nguyễn Hồng Q được ly hôn chị Bui Thi Thanh T; về con chung không có nên không giải quyết; tài sản chung, công nợ anh Nguyễn Hồng Q, chị Bui Thi Thanh T khai không có nên không giải quyết;

- Chi phí tố tụng anh Nguyễn Hồng Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Hồng Q là công dân Việt Nam, cư trú tại Số nhà 11, đường C, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam. Hiện anh Nguyễn Hồng Q có đơn khởi kiện xin ly chị Bui Thi Thanh T. Chị Bui Thi Thanh T (Quốc tịch: Đức) là bị đơn hiện đang sinh sống và làm việc tại nước Cộng hoà Liên bang Đức, cư trú tại địa chỉ: phố K,

42655 S, bang Nordrhein- Westfalen, Cộng hoà Liên bang Đức. Như vậy, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp "ly hôn" có đương sự là người nước ngoài, đang cư trú ở nước ngoài và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2]. Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã ban hành văn bản tố tụng và gửi cho các đương sự về thời gian xét xử vụ án. Anh Nguyễn Hồng Q có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Bui Thi Thanh T xin vắng mặt; người đại diện cho chị Bui Thi Thanh T xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 238; điểm b, khoản 5, Điều 477- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Anh Nguyễn Hồng Q và chị Bui Thi Thanh T kết hôn trên cơ sở có được tự do tìm hiểu, tự nguyện, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh Bắc Giang, Việt Nam ngày 18/11/2015. Do vậy HĐXX xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Bui Thi Thanh T ở nhà anh Nguyễn Hồng Q khoảng một tháng sau đó quay về Cộng hoà Liên bang Đức sinh sống và làm việc. Khi chị Bui Thi Thanh T về nước thì anh, chị vẫn thường xuyên liên lạc quan tâm nhau. Đến đầu năm 2016 thì giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh chị thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân do vợ chồng sống xa cách lâu ngày tình cảm phai nhạt không tin tưởng nhau, một phần do thủ tục sang Cộng hoà Liên bang Đức đoàn tụ với chị Bui Thi Thanh T gặp trục trặc. Kể từ tháng 4/2016 anh, chị không còn liên lạc và quan tâm nhau. Nay anh Nguyễn Hồng Q xác định tình cảm vợ chồng với chị Bui Thi Thanh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Kể từ đầu năm 2016 đến nay thì vợ chồng anh Nguyễn Hồng Q và chị Bui Thi Thanh T không có sự liên lạc với nhau. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình (Việt Nam) thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh Nguyễn Hồng Q và chị Bui Thi Thanh T đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Hồng Q và chị Bui Thi Thanh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Bui Thi Thanh T có quan điểm đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Hồng Q. Do vậy, căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1,

Điều 56- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho anh Nguyễn Hồng Q được ly hôn chị Bui Thi Thanh T.

[4]. Về con chung: anh Nguyễn Hồng Q và chị Bui Thi Thanh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5].Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: anh Nguyễn Hồng Q và chị Bui Thi Thanh T trình bày không có tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về chi phí tố tụng:

[6.1]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, anh Nguyễn Hồng Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0000621 ngày 12/3/2020 Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Hồng Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[6.2]. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Căn cứ quy định tại Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử lý như sau:

- Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Anh Nguyễn Hồng Q phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000687 ngày 12/6/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Hồng Q đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí ủy thác bản án ra nước ngoài: Chị Bui Thi Thanh T không phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Trả lại chị Bui Thi Thanh T (do bà Mai Thị Phương L và bà Đào Minh P là đại diện theo ủy quyền) số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số: 0000059 ngày 31/5/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (do anh Nguyễn Hồng Q nộp thay).

[7]. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154; khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; điểm b, khoản 5, Điều 477; khoản 2, Điều 479 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng Q được ly hôn chị Bui Thi Thanh T.

2. Về chi phí tố tụng:

- Về án phí: Anh Nguyễn Hồng Q phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0000621 ngày 12/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Hồng Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Anh Nguyễn Hồng Q phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000687 ngày 12/6/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Hồng Q đã thi hành xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí ủy thác bản án ra nước ngoài: Chị Bui Thi Thanh T không phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Trả lại chị Bui Thi Thanh T (do bà Mai Thị Phương L và bà Đào Minh P là đại diện theo ủy quyền) số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số: 0000059 ngày 31/5/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (do anh Nguyễn Hồng Q nộp thay).

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Bui Thi Thanh T (Quốc tịch: Đức) đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Hồng Q hiện cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Ong Thân Thắng